TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;
2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64a/2019/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diệu S, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 893, tổ 02, ấp C, xã T, thành phố D, tỉnh An Giang.

Đồng bị đơn: Anh Nguyễn Thế H, sinh năm: 1974 và chị Trần Thanh H1, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ 21, khóm V, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

Riêng chị H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Diệu S trình bày:

Do quen biết nhau, vào ngày 18/10/2016 chị (S) có cho anh chị Nguyễn Thế H - Trần Thanh H1 vay số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu)

đồng; lãi suất cho vay (5.000.000 đồng/tháng/120.000.000 đồng) và thời gian vay hai bên thỏa thuận khi nào chị S có nhu cầu sử dụng thì anh chị H – H1 trả tiền lại cho chị.

Trong quá trình vay anh chị H – H1 có đóng lãi cho chị (S) 06 tháng là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng thì ngưng không đóng lãi tiếp, đến ngày 15/9/2018, anh chị H – H1 đã viết lại Giấy xác nhận cho chị là đồng ý trả lãi cho chị từ khi vay đến thời gian trên đến ngày 15/9/2018 là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, mỗi tháng trả lãi tiếp cho chị và hẹn khi nào bán nhà – đất sẽ thanh toán dứt điểm cho chị.

Nay, chị được biết anh chị H – H1 đã bán tài sản nhưng không trả tiền cho chị vốn – lãi theo Giấy xác nhận ngày 05/9/2018 và cũng không đóng lãi hàng tháng cho chị.

Nay chị (S) làm đơn khởi kiện yêu cầu anh chị Nguyễn Thế H - Trần Thanh H1 có trách nhiệm thanh toán vốn gốc cho chị 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng và lãi suất 1.25%/tháng từ ngày 15/9/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Để chứng minh cho yêu cầu kiện, chị S đã nộp các tài liệu chứng cứ, trong đó có Giấy vay tiền đề ngày 18/10/2016 với nội dung anh chị H – H1 có vay của chị S số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất và thời gian thỏa thuận và Giấy xác nhận nợ đề ngày 15/9/2018 với nội dung nợ vốn gốc: 120.000.000 đồng và lãi 80.000.000 đồng một năm từ tháng 9/2018 – 9/2019.

Lời khai trong quá trình tố tụng, đồng bị đơn anh chị H – H1 trình bày: Vào ngày 18/10/2016, anh chị có vay của chị S vốn gốc 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng/120.000.000 đồng, trong quá trình vay anh chị đã đóng lãi cho chị S 30.000.000 đồng thì ngưng, đến ngày 15/9/2018, anh chị viết lại biên nhận nợ cho nguyên đơn: Vốn gốc: 120.000.000 đồng và tiền lãi: 80.000.000 đồng và sẽ cam kết trả tiếp lãi, nhưng anh chị không thực hiện. Nay anh chị xác nhận hiện còn nợ nguyên đơn theo Giấy xác nhận đề ngày 15/9/2018, anh chị xin trả dần 13.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, phần tiền lãi sẽ trả tiếp cho chị S và khi nào bán nhà sẽ thang toán dứt điểm cho nguyên đơn; mức lãi suất thống nhất 1,25%/tháng/120.000.000 đồng, tính từ ngày 15/9/2018 (riêng khoản tiền lãi 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đã thanh toán cho chị S, thì anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự thống nhất vốn vay, tiền lãi, không thống nhất phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và yêu cầu anh chị H – H1 trả vốn vay 120.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,25% từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thống nhất khoản nợ vốn, lãi (1.25%/tháng) như nguyên đơn trình bày, xin trả

dần vốn gốc mỗi tháng 13.000.000 đồng cho đến khi dứt, tiền lãi sẽ thanh toán sau khi trả xong vốn gốc; khoản lãi đã thanh toán 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu xem xét.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Trần Thanh H1.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định anh chị H – H1 có vay của chị S 120.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng/120.000.000 đồng, việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng đồng bị đơn đã thanh toán tiền lãi 30.000.000 đồng, chưa trả vốn gốc. Chị S yêu cầu H – H1 trả vốn, lãi 1,25% /tháng tính đến ngày Tòa án xét xử và anh chị H – H1 thống nhất, nhưng xin trả dần hàng tháng là 13.000.000 đồng cho đến khi hết vốn gốc sẽ tiếp tục thanh toán tiếp tiền lãi. Do ông H, bà H1 vi phạm nghĩa vụ bên vay, nên bà S khởi kiện yêu cầu trả vốn gốc và tiền lãi 1,25%/tháng kể từ ngày 15/9/2018 là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 BLDS năm 2015.

Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận ban đầu là 4,166%/tháng (120.000.000 đồng/tháng/5.000.000 đồng) là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng vay thì ông H, bà H1 chỉ trả lãi được 6 tháng; bà S không yêu cầu đối với tiền lãi 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng; ông H, bà H1 không yêu cầu xem xét đối với số tiền lãi 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng đã trả nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi vay còn nợ 120.000.000 đồng, đồng thời tính lãi tiếp tục với mức lãi suất 1,25%/tháng từ ngày 15/9/2018 (viết giấy nợ). Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn cư trú tại phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện:

Các bên thỏa thuận viết giấy nhận nợ lại vào ngày 15/9/2018 theo nguyên đơn hàng tháng sẽ đóng lãi tiếp cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, ngày 10/6/2019 nguyên đơn khởi kiện nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên thống nhất việc vay với hình thức trả lãi hàng tháng, nên hợp đồng vay giữa các bên là có thời hạn và có tính lãi.

[3] Về vốn vay:

Đồng bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn vào ngày 18/10/2016, mức lãi suất thỏa thuận 5.000.000 đồng/tháng/120.000.000 đồng, thế nhưng từ khi vay cho đến ngày 15/9/2018 phía bị đơn không đóng lãi cho nguyên đơn nên vào ngày 15/9/2018, H – H1 viết lại biên nhận nợ với nội dung còn nợ lại vốn gốc: 120.000.000 đồng; tiền lãi: 80.000.000 đồng.

Nguyên đơn có yêu cầu đồng bị đơn trả vốn gốc: 120.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,25%/tháng cho đến ngày Tòa án xét xử.

[3] Tiền lãi:

Quá trình thực hiện hợp đồng vay các đương sự thống nhất nhau phía đồng bị đơn đã trả lãi được 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng thì ngưng và phía đồng bị đơn không đóng lãi tiếp cho chị S. Đến ngày 15/9/2018 anh chị H – H1 viết lại biên nhận mới với vốn vay: 120.000.000 đồng ; tiền lãi: 80.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, bà S đã nhận, mức lãi suất bà S cho vay là cao so với quy định của pháp luật, tuy nhiên do anh chị H – H1 không yêu cầu xem xét khoản tiền lãi đã đóng và các đương sự thống nhất khoản vay theo biên nhận đề ngày 15/9/2018 là 120.000.000 đồng, nguyên

đơn chỉ yêu cầu trả vốn gốc và tiền lãi từ ngày 15/9/2018 là phù hợp nên chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 15/9/2018 – 06/8/2019 (Tòa án xét xử):

120.000.000 đồng đồng x 1,25%/tháng x 10 tháng 21 ngày (321) = 16.050.000 (Mười sáu triệu, không trăm, năm mươi nghìn) đồng.

Vậy vốn – lãi: 120.000.000 đồng + 16.050.000 đồng = *136.050.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng*.

[3] Buộc anh chị Nguyễn Thế H và Trần Thanh H1 có trách nhiệm trả cho Lê Thị Diệu S vốn – lãi đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Nghĩa vụ trả nợ, phương thức thanh toán:

Đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo định kỳ nên buộc đồng bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn vốn, lãi tổng cộng *136.050.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu, khônng trăm năm mươi nghìn) đồng*.

Bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng cho đến khi dứt nợ, nguyên đơn không thống nhất nên được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[6] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Diệu S.

Buộc anh chị Nguyễn Thế H - Trần Thanh H1 có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Diệu S *136.050.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm năm mươi*

nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh chị Nguyễn Thế H - Trần Thanh H1 phải chịu *6.802.500* (*sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn, năm trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Diệu S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị S *3.000.000 (ba triệu)* đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2016/0008045 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị Trần Thanh H1 là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga